

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 165/2024/DS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng, vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Phương, ông Nguyễn Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2024/TLST-DS ngày 02/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ1; địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thành Đ, chức vụ: Trưởng phòng QLRR - Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh B (đại diện theo ủy quyền) (vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1972, nơi cư trú: Số D, T, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP Đ1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Nguyễn Thị Thùy T đã ký kết 02 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Vay thấu chi: Theo Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số

01/2022/552113/HĐTD ngày 20/12/2022 Ngân hàng cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng không có tài sản bảo đảm; Lãi suất cho vay: 10.6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/12/2023; Trả lãi vay: Định kỳ vào ngày 28 hàng tháng.

Từ khi giải ngân ngày 20/12/2022 đến ngày 21/01/2024, bà T đã thanh toán được số tiền 14.711.116 đồng. Từ ngày 28/9/2023 khoản vay đã chuyển nợ quá hạn do bà T không có khả năng chi trả.

Tổng dư nợ gốc, lãi vay, phí còn nợ Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 21/01/2024; tổng cộng 209.480.592 đồng (nợ gốc: 199.912.218 đồng; lãi cộng dồn: 8.395.160; phí chậm trả gốc: 1.031.318 đồng; phí chậm trả lãi: 141.896 đồng).

Vay theo món: Theo Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 01/2023/552113/HĐTD ngày 11/01/2023 Ngân hàng cho bà T vay số tiền vay 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng không có tài sản bảo đảm; Lãi suất cho vay: 12.0%/năm được điều chỉnh 6 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/01/2030. Trả lãi vay: Định kỳ vào ngày 15 hàng tháng.

Từ khi giải ngân ngày 11/01/2023 đến ngày 21/01/2024, bà T đã thanh toán được số tiền 55.263.768 (nợ gốc: 30.201.957 đồng; nợ lãi: 24.996.279 đồng; phí chậm trả gốc: 65.532 đồng). Từ ngày 17/7/2023 khoản vay đã chuyển nợ quá hạn do bà T không có khả năng chi trả.

Tổng dư nợ gốc, lãi vay, phí còn nợ Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 21/01/2024, tổng cộng: 505.445.945 đồng (nợ gốc: 469.798.043 đồng; lãi cộng dồn: 34.171.512; phí chậm trả gốc: 664.301 đồng; phí chậm trả lãi: 812.089 đồng).

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ của 02 khoản vay trên. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền tạm tính đến hết ngày 21/01/2024 là 714.926.537 đồng. Tính đến hết ngày 26/9/2024 là 779.632.130 đồng trong đó gốc 669.710.261 lãi 109.921.869 đồng.

Yêu cầu bà T tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 với lãi suất theo lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà T nhưng vắng mặt.

Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.
- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định thẩm quyền; thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ đúng theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định. Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 26/9/2024 số tiền 779.632.130 đồng trong đó gốc 669.710.261 lãi 109.921.869 đồng, tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Thẩm quyền*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn, Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh B địa chỉ tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[3] *Về vốn vay và tiền lãi*: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/552113/HĐTD ngày 11/01/2023 và 01/2022/552113/HĐTD ngày 20/12/2022.

Xét, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà T được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định bà T đã vay của Ngân hàng nhưng không thực hiện trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nay Ngân hàng yêu

cầu trả vốn lãi tính đến hết ngày 26/9/2024 là 779.632.130 đồng trong đó vốn gốc 669.710.261 đồng, lãi 109.921.869 đồng.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và 103 của Luật các tổ chức tín dụng, xét chấp nhận.

“Kể từ ngày 27/9/2024, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[4] Về hợp đồng thế chấp:

Với hình thức vay tín chấp nên bà T không có thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.
- Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí số tiền 35.185.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T trả cho Ngân hàng Đ1 đến hết ngày 26/9/2024 số tiền 779.632.130 đồng trong đó vốn gốc 669.710.261, lãi 109.921.869 đồng (lãi chậm trả gốc 11.338.555 đồng, lãi chậm trả lãi 5.480.034 đồng).

“Kể từ ngày 27/9/2024, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí số tiền 35.185.000 (ba mươi lăm triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 16.839.000 (Mười sáu triệu, tám trăm, ba mươi chín nghìn) đồng theo biên lai số 0003351 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Thùy T có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương